

THỂ LOẠI TRUYỆN DÂN GIAN KHMER NAM BỘ - GÓC NHÌN “RẬP KHUÔN” VÀ GÓC NHÌN “PHÊ CHUẨN”

HUYỀN VŨ LAM*

TÓM TẮT

Việc nghiên cứu thể loại trong truyện dân gian Khmer Nam Bộ trong thời gian vừa qua có một số rập khuôn theo quan niệm thể loại của người Việt. Tình trạng ấy làm cho việc hiểu tác phẩm văn học dân gian không phù hợp với bối cảnh văn hóa tộc người. Để khắc phục, cần phải đặt các khái niệm thể loại trong sự tham chiếu với cách suy nghĩ và sự phê chuẩn của cộng đồng dân gian dưới góc nhìn bối cảnh.

Từ khóa: thể loại, truyện dân gian, rập khuôn, phê chuẩn, bối cảnh.

ABSTRACT

The Khmer folk tale genres in the South of Vietnam – “patterning” and “sanction” viewpoints

There have been stereotyped ways in studying the Khmer folk tale genres in the South of Vietnam in recent years, which makes the comprehension of folk tales inappropriate with the ethnic cultural context. Therefore, some of the papers writing about the notions of Khmer narrative have misunderstood the meaning and boundary type. To overcome this, we could apply genre conceptions of folk groups' sanction in the context.

Keywords: genre, folk tales, pattern, sanction, context.

1. Thể loại là một trong những yếu tố quan trọng trong nghiên cứu folklore nói chung và văn học dân gian nói riêng. Trong một ngành khoa học, sau khi mình định các yếu tố nền tảng về mặt lí luận để xác lập vị thế so với các ngành khác thì công việc tiếp theo của các nhà nghiên cứu là phân chia các lĩnh vực, các cấp độ để tiếp cận. Thể loại trong truyện dân gian không chỉ là một phạm trù có tính phân loại về hình thức để phục vụ cho công tác khoa học mà nó còn mang các giá trị văn hóa, lịch sử, tâm lí của một cộng đồng dân tộc. Richard Bauman cho rằng: “Thể loại và vấn đề phân loại đã và đang là mối bận tâm chính yếu trong văn

học dân gian, định hình nên bộ khung cho việc thu thập, lưu giữ, giảng dạy và nghiên cứu học thuật đối với văn học dân gian” [3, tr.246]. Tuy vậy, việc nghiên cứu thể loại văn học dân gian các dân tộc ít người ở nước ta, trong đó có người Khmer Nam Bộ, vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa hoàn toàn đủ cơ sở khoa học. Chẳng hạn, việc không trùng khớp về nội hàm ở một khái niệm thể loại của một cộng đồng tộc người so với người Việt hay so với thuật ngữ quốc tế thường không được lí giải thấu đáo mà được cho rằng di sản dân gian của thể loại ấy, ở tộc người ấy còn “tản mát”, “thất lạc” hay “vỡ vụn” [1, tr.90]. Nguyên nhân chính là sự áp dụng có tính “rập khuôn” (pattern – khái niệm của Richard Bauman [2, tr.764]) các khái niệm trong lí thuyết

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

ngiên cứu thể loại của văn học dân gian người Việt hoặc lí thuyết nghiên cứu folklore thế giới vào kho tàng văn học dân gian Khmer. Để tìm hướng khắc phục tình trạng nêu trên, việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu nhân học văn hóa vào tìm hiểu truyện dân gian Khmer Nam Bộ là một trong những hướng đi có nhiều khả năng dẫn đến thành công. Trong đó, nguyên lí “phê chuẩn” của cộng đồng là một yếu tố quan trọng trong việc xác lập các tiêu chí phân chia các thể loại của văn học dân gian một tộc người.

2. Việc sưu tầm, nghiên cứu và phân chia các thể loại truyện dân gian Khmer Nam Bộ đã được nhiều người thực hiện và đạt được một số thành tựu bước đầu. Từ sau năm 1975, nhiều hội thảo, nhiều đợt sưu tầm, điền dã về văn học dân gian Khmer đã được tiến hành và có nhiều công trình đã được xuất bản, có giá trị tham khảo lâu dài. Từ những tài liệu đó, ở góc độ quan niệm về các thể loại, tựu trung có các hướng nhìn nhận sau đây:

2.1. Công trình đầu tiên đặt vấn đề về thể loại truyện dân gian Khmer là một trong những bài tham luận được trình bày ở các hội nghị khoa học về văn hóa, văn nghệ truyền thống của người Khmer ở đồng bằng Sông Cửu Long được tổ chức vào các năm 1981, 1983 và 1986 [6, tr.5], đó là bài viết *Một vài thể loại văn học dân gian Khmer ở Đồng bằng Sông Cửu Long* của Châu Ôn (Ông là một bậc trí thức người Khmer). Bài nghiên cứu này tập trung một phần vào việc hệ thống hóa các thể loại văn học dân gian Khmer theo cách hiểu của bản thân người Khmer trên

cơ sở tham chiếu các thuật ngữ thể loại của người Việt. Theo tác giả, các loại truyện dân gian (*peak sâm-rai*: lời bình thường) dùng để kể gồm có 2 thể loại chính: *ruong bô-ran* (thần thoại) và *ruong p'rêng* (cổ tích). Trong đó tuy gọi là cổ tích nhưng khái niệm *ruong p'rêng* có nội hàm rất phức tạp:

“Điều đáng lưu ý là *ruong p'rêng*, mà tôi vừa dịch là “cổ tích”, không chỉ gồm những tích truyện về thân phận con người trong cuộc sống hàng ngày, với những nhân vật thường là thú vật (con thỏ, con gà, con cọp...), mà người Khmer ở đồng bằng Sông Cửu Long còn xếp vào *ruong p'rêng* cả những tích truyện về đức Phật, hay có liên quan đến đạo Phật, ít nhiều mang ý nghĩa hoằng giáo” [6, tr.175]

Cách phát biểu trên cho thấy: trong suy nghĩ của người Khmer, ngoài thần thoại, tất cả các loại truyện còn lại đều gom chung vào một loại gọi là truyện cổ. Trong truyện cổ, có các tiểu loại khác (*ruong rao*: truyện cổ nói chung, *ruong sat-bak-sei*: truyện có nhân vật là chim, *ruong ba-ba-kam*: truyện cổ về tội lỗi có ma quỷ và thần tiên, *truyện ngụ ngôn*, *truyện cười*, *truyện địa danh*). Cách phân loại này phần lớn dựa vào quan niệm về đối tượng phản ánh là chính chứ chưa bàn đến các yếu tố khác, các tiêu chuẩn khác. Và tác giả cũng tự nhận xét rằng ông chỉ “kê ra” và “chưa đưa ra những tiêu chuẩn cho thật thỏa đáng” [6, tr.192].

2.2. Huỳnh Ngọc Trảng là nhà nghiên cứu có vai trò khai phá về văn học Khmer Nam Bộ. Ông không chỉ sưu tầm mà còn viết lời giới thiệu khái quát cho

kho tàng văn học dân gian của người Khmer. Từ lời giới thiệu của cuốn *Truyện cổ Khơ-me Nam Bộ* xuất bản năm 1983 đến lời giới thiệu cuốn *Truyện dân gian Khơ-me* in lần đầu năm 1987, ông đã có những nét khái quát về tình hình chung của nền văn hóa và văn học dân gian của người Khmer Nam Bộ. Người Khmer gọi kho tàng truyện dân gian của mình bằng nhiều tên khác nhau: *ruong bô-ran* (truyện cổ), *ruong nì-tiên* (truyện kể) và *ruong bì-đom* (truyện đời xưa). Trong đó có 4 nhóm thể loại chính: *ruong a-sti-tiếp* (truyện giải thích tự nhiên - thần thoại), *ruong pờ-rêng* (truyện thần kì), *ruong ca-tê-lôc* (bài học ở đời - ngụ ngôn) và *ruong kòm-phơ-leng* (cười trào phúng) với *ruong rao-xà-bay* (cười khôi hài). Trong các thể loại vừa nêu có nhiều tiểu loại khác. Nhìn chung, cách phân loại như trên chủ yếu dựa vào phương thức phân loại của người Việt và các khái niệm có tính quốc tế về truyện dân gian. Bên cạnh đó, tác giả cũng thêm vào một số khái niệm theo cách hiểu của người Khmer.

2.3. Luận án tiến sĩ đầu tiên về truyện dân gian Khmer Nam Bộ được bảo vệ thành công năm 2007 tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là *Khảo sát truyện kể dân gian Khơ-me Nam Bộ (qua thần thoại – truyền thuyết – cổ tích)* của Phạm Tiết Khánh. Mục tiêu của luận án không chỉ “khảo sát những nét cơ bản về nội dung và nghệ thuật của 3 thể loại: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích” [1, tr.10] mà còn có mục đích tìm hiểu các motif cơ bản trong các thể loại, mối quan hệ của ba thể loại trên với văn hóa Khmer

và so sánh với các thể loại tương đồng của người Việt.

Với tinh thần đó, tác giả đã có trên 200 trang luận án khảo sát 195 bản kể của ba thể loại thần thoại, truyền thuyết và cổ tích Khmer Nam Bộ. Và kết quả, công trình này đã có nhiều kiến giải công phu một số đặc điểm truyện dân gian Khmer về mặt tư liệu. Tuy nhiên trong luận án vẫn còn một số điểm còn thiếu dụng công tham chiếu với cách nghĩ của người Khmer (chẳng hạn về việc xác định nội hàm của từng thể loại). Trong phần giới thuyết về thể loại văn học dân gian Khmer Nam Bộ, Phạm Tiết Khánh dẫn lại quan niệm của Huỳnh Ngọc Trảng và khẳng định cách vận dụng khái niệm thể loại của mình như sau: “...Cũng như văn học dân gian các dân tộc khác, văn học dân gian Khơ-me có tính tương đồng loại hình cao, do đó, trong luận án này, chúng tôi sẽ sử dụng các thuật ngữ quen thuộc về thể loại văn học dân gian mà các nhà nghiên cứu văn học dân gian Việt Nam đã thống nhất” [1, tr.35].

Nhưng thực tế, cái gọi là “thống nhất” của tác giả luận văn lại không hoàn toàn nhất quán. Cụ thể, ở chương 2, mục 2.1 “giới thuyết chung về thể loại thần thoại”, tác giả đã dẫn quan niệm về thần thoại của Marx, Engels, Jung, Meletincki, Đinh Gia Khánh, Đỗ Bình Trị, Chu Xuân Diên... và kết luận: “bản chất thể loại thần thoại đã được các nhà nghiên cứu tương đối nhất trí”, “trong luận án này chúng tôi tiếp thu những thành tựu trên về phương diện lí luận” [1, tr.49]. Như vậy, tác giả luận án đã không xác định đặc điểm riêng của truyện dân

gian Khmer Nam Bộ theo cách mà người Khmer hiểu mà “rập khuôn” các khái niệm của người Kinh vào việc tìm hiểu nguồn truyện của một tộc người thiểu số. Do đó, khi đánh giá về các thể loại, luận án đã có những nhận xét thiếu công bằng với những đặc điểm vốn có của nguồn truyện dân gian Khmer.

Cách áp dụng “rập khuôn” các khái niệm phân loại không chỉ làm cho việc tìm hiểu đặc điểm và giá trị của các tư liệu văn học dân gian tộc người trở nên thiếu toàn diện mà thậm chí còn làm cho các nội hàm của một thể loại trong văn hóa của một dân tộc, đặc biệt là các dân tộc ít người, bị hiểu chưa đúng. Các công trình nghiên cứu nêu trên cho thấy khái niệm thể loại truyện dân gian Khmer Nam Bộ không hoàn toàn tương đồng với cách hiểu của người Việt và các lí thuyết nghiên cứu trên thế giới.

3. Để giải quyết vấn đề phân loại trong khi nghiên cứu văn học dân gian các tộc người, Dan Ben Amos trong bài viết “Thể loại” đã đưa ra một quan niệm về phân loại dựa trên bối cảnh văn hóa và góc độ diễn xướng:

“Sự khai thác ứng dụng các thể loại dân tộc đòi hỏi một sự khảo cứu tên gọi, sự phân loại văn hóa và trình diễn của chúng trong đời sống xã hội. Tên của chúng phản ánh quan niệm và ý nghĩa văn hóa, lịch sử của bản thân chúng trong truyền thống với *nội dung và chức năng như thể người kể chúng nghĩ về chúng*”¹ [3, tr.242].

Nhận định nêu trên đề cập một nguyên tắc quan trọng trong nghiên cứu văn học dân gian theo hướng nhân học

văn hóa: đặt tác phẩm vào bối cảnh văn hóa và môi trường diễn xướng để tìm thấy nguyên tắc “phê chuẩn” của cộng đồng. Quan niệm “phê chuẩn” (sanction) của cộng đồng được Petr Bogatyrev và Roman Jakobson phát biểu trong bài viết “Folklore với tính cách một hình thức sáng tạo đặc biệt”:

“...Ta thấy rõ là sự tồn tại của một tác phẩm folklore đòi hỏi phải có một nhóm người chấp nhận và *phê chuẩn*¹ nó. Do đó, khi nghiên cứu folklore ta đừng quên một khái niệm cơ bản là *sự phê phán phòng ngừa của cộng đồng*” [2, tr.31].

Sự phê phán phòng ngừa của cộng đồng được hiểu là việc chấp nhận hay từ chối của cộng đồng đối với sự lưu truyền của một tác phẩm, một tiết mục dân gian. Do đó, khi nghiên cứu, việc tìm hiểu quan niệm của người diễn xướng về thể loại và chức năng của thể loại đó trong cộng đồng, mức độ chấp nhận của cộng đồng về một thể loại nào đó là điều cần thiết bên cạnh việc vận dụng các cách phân loại của ngành khoa học.

Để tìm hiểu sự “phê chuẩn” của cộng đồng người Khmer hiện tại, chúng tôi đã gặp gỡ một trí thức người Khmer và một nhóm 10 người Khmer là nông dân ở huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng với mong muốn tìm hiểu về các thể loại truyện dân gian Khmer hiện nay (tính đến năm 2013).

3.1. Trong cuộc trò chuyện trao đổi với ông Danh Mến, người Khmer, 40 tuổi, là giáo viên Trường Paly Trung cấp Nam Bộ, chúng tôi phát hiện ra một số góc nhìn khác về thể loại truyện dân gian

Khmer Nam Bộ.

Trước hết, theo ông Danh Mến, loại *ruong báp-bă-căm* (truyện tội lỗi) xuất phát từ Phật giáo. Trong đó, “báp” là khái niệm “nghiệp” trong Phật giáo, có nguồn gốc từ tiếng Paly “bap-bă”, có liên quan đến những lời thuyết giảng tôn giáo. Giữa *báp-bă-căm* và *sác-sa-na* nhìn chung là có thể thay đổi cho nhau. Đây là thể loại chiếm phần lớn nguồn truyện dân gian, được viết trên lá buông, được cất giữ trong các chùa để các nhà sư mang ra thuyết pháp cho cộng đồng với niềm tin thiêng liêng và trân trọng trong những dịp lễ hội quan trọng.

Ông thừa nhận giữa quan niệm của người Khmer và người Việt có chỗ tương đồng và dị biệt về cách hiểu một số thể loại, thậm chí có một số thể loại không có trong văn học dân gian người Việt. Ông cũng nhận xét rằng cách hiểu của ông Châu Ôn là theo dân gian, không phải theo ngôn ngữ khoa học, còn cách hiểu của ông Huỳnh Ngọc Trảng có chỗ thiếu hệ thống và thiếu chính xác về tên gọi.

Ông Danh Mến cho rằng nên chỉnh lại cách phiên âm cho đúng: *ruong prò-đách* (truyện bịa đặt), *ruong tê-vék-k’tha* (thần thoại), *ruong prò-voth-tê-să* (truyện lịch sử), *ruong cà-tê-lôk* (truyện thế sự, xã hội có tính chất răn dạy con cháu - ngụ ngôn thế sự). Song song đó, ông cũng đề xuất thêm vào một vài thể loại mới *ruong cà-tê-thôa* (truyện răn dạy có tính tôn giáo – ngụ ngôn tôn giáo), *ruong sòm-nêak* (truyện cười), *ruong rao xà bay* (truyện giải trí).

Với sự tham khảo một số cách phân chia thể loại của văn học dân gian Cam-

pu-chia hiện tại cùng với cách hiểu của dân gian Khmer, ông Danh Mến cho rằng: trong ngôn ngữ Khmer, có ba từ diễn tả khái niệm “truyện” là *k’tha*, *ruong* và *tùm-nuôn*. Truyện dân gian được gọi là *đờm-nợ k’tha prò-chea pri* (trong đó *đờm-nợ*: kể lại, *k’tha*: truyện, *prò-chea*: người dân, *pri*: yêu quý); dịch cả khái niệm là: Truyện được người dân yêu thích rồi kể lại. Việc phân loại đại khái như sau:

(i) Thần thoại: *tê-vék-k’tha* (truyện về các vị thần sáng tạo thế gian và các vị tổ tiên người Khmer – tôn kính)

(ii) Truyền thuyết: *p’rêng k’tha* (truyện xưa về địa danh, sản vật, các nhân vật trong hoàng cung, ông vua bà chúa – có thật). Trong loại này có bao gồm một số truyện về cuộc đời đức Phật và các vị bồ tát.

(iii) Cổ tích: *nì-tian k’tha* (truyện đề kể, có yếu tố bịa đặt chủ yếu mua vui và răn dạy).

Trong các loại đó chia thành:

- a. Thần kì: *nì-tian k’tha ok-cha*
- b. Loài vật: *nì-tian k’tha sả*
- c. Thế sự: *nì-tian k’tha sòong-cum*
- d. Cười: *nì-tian k’tha sòm-nêak*
- e. Ngụ ngôn: *lơ-bot k’tha*.

Trong quyển *Quan điểm giáo dục trong truyện dân gian Khmer* của Cam-pu-chia (bảng chữ Khmer) cũng xếp theo thứ tự này.

Ông Danh Mến cũng giới thiệu một tổng tập về truyện dân gian của Cam-pu-chia xuất bản gần nhất (9 tập, mỗi tập một chủ đề). Trong đó, người ta chia theo các thể loại như sau: (1) Truyện về dân tộc Khmer xưa (2 tập); (2) Truyện liên

quan đến công lí, pháp đình; (3) Truyện về loài vật; (4) Truyện liên quan đến đền đài, chùa tháp; (5) Truyện liên quan đến đền đài, chùa tháp; (6) Truyện liên quan đến cây cối; (7) Truyện liên quan đến Neak ta; (8) Những chuyện liên quan đến phong tục tập quán. Thực tế cho thấy đây là cách phân chia theo đề tài, chứ không phải theo cấu trúc và đặc điểm nghệ thuật. Hơn nữa, ông Danh Mến là trí thức Khmer, được tiếp cận nguồn tài liệu từ Cam-pu-chia nên quan niệm cũng có đôi chút “rập khuôn” theo văn học Cam-pu-chia hiện nay.

3.2. Trong cuộc trò chuyện với 10 nông dân ở xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 15-6-2013, hầu hết các vị đều thừa nhận trong quan niệm của người dân, việc phân loại nhiều là rất hiếm, cùng lắm là: *rong p'rêng*, *rong bô-ran*, *rong sắc-sa-na* hoặc là truyện về con thỏ (*tành-say*) là cùng. Nhìn chung, cách mà mọi người bắt đầu thường là: “tui xin kể câu chuyện về..., có ý nghĩa...”. Tức là lấy đối tượng/ đề tài làm cách phân loại. Ngoài ra, do đời sống tín ngưỡng của người Khmer gắn liền với Phật giáo trong cả cuộc đời nên sự phân chia về các loại không rõ ràng mà chủ yếu thiên về Phật thoại, số lượng truyện về Phật rất nhiều. Mặc dù thế, nhưng khi yêu cầu họ kể một vài truyện thì đa số đều từ chối và nói rằng phải vào các ngôi chùa đọc mới chính xác hoặc do các sự kể mới đúng.

Những phân tích nêu trên cho thấy có ba vấn đề đặt ra khi khảo sát văn học dân gian Khmer Nam Bộ từ hai góc nhìn “phê chuẩn” và “rập khuôn”:

Thứ nhất, nội hàm và tên gọi của một thể loại văn học dân gian người Khmer vừa có chỗ tương đồng vừa có điểm khác biệt so với người Việt và trên thế giới. Do đó, khi phân tích, cần phải dựa vào cách nghĩ của quần chúng để xác lập các tiêu chí thể loại sao cho sát hợp với thực tiễn đời sống. Chẳng hạn, trong khái niệm truyền thuyết phải gắn vào thêm một khối lượng lớn các truyền thuyết về Phật Thích Ca, trong truyện cổ tích phải có thêm một số truyện về chằn và lục-tà với các nhân vật anh hùng có tên, hình thành một nhóm truyện cổ tích thần kì về nhân vật anh hùng.

Thứ hai, đặc điểm cũng như tên gọi của một thể loại văn học dân gian không phải bất biến mà có tính linh động, chịu sự “phê chuẩn” của một cộng đồng người. Nó vừa có tính lịch đại (thay đổi theo thời gian) vừa có tính phân hóa theo không gian sống của mỗi tộc người. Điều này cơ bản phù hợp với truyện dân gian Khmer Nam Bộ. Khái niệm *rong bô-ran* (truyện dân gian) và *rong p'rêng* (truyện cổ tích) tương đối thống nhất ở nhiều vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống. Các thuật ngữ khác có liên quan thì không hoàn toàn trùng khớp ở nhiều nơi.

Thứ ba, khuynh hướng giản lược hóa hướng đến tính tổng hợp các thể loại trên nền tảng tư tưởng Phật giáo, làm cho hệ thống thể loại truyện dân gian Khmer có tính chất “tích hợp tương cận” (gom các thể loại/ tiểu loại có đặc điểm gần nhau vào thành một thể loại lớn, lấy đề tài làm cơ sở phân chia).

4. Qua hai góc nhìn “rập khuôn” và

“phê chuẩn” vừa nêu, việc phân loại truyện dân gian Khmer Nam Bộ cần phải được xem xét từ góc độ nguyên tắc nghệ thuật và bản chất ngữ văn của thể loại, cũng như góc độ quan niệm quần chúng, dân gian suy nghĩ và thừa nhận. Việc thừa nhận yếu tố “phê chuẩn” của người dân không chỉ làm cho quá trình nghiên

cứu đúng hướng, phù hợp với đặc điểm tư duy của một tộc người mà còn làm cho việc nghiên cứu văn học dân gian tránh được nhiều sai lầm đáng tiếc khi xử lý tư liệu, tránh được những nhận định gán cho vốn văn hóa của một tộc người những điều mà bản thân nền văn hóa đó không sở hữu.

¹ Từ đây, những chỗ trích dẫn được in đậm là chúng tôi nhấn mạnh – HVL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tiết Khánh (2007), *Khảo sát truyện kể dân gian Khome Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (chủ biên) (2005), *Folklore thế giới: Một số công trình nghiên cứu cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Ngô Đức Thịnh, Frank Proschan (chủ biên) (2005), *Folklore: Một số thuật ngữ đương đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Liệu, Văn Đình Hy (1983), *Truyện cổ Khmer Nam Bộ*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
5. Huỳnh Ngọc Trảng (1987), *Truyện dân gian Khome, 2 tập*, Hội Văn học Nghệ thuật Cửu Long xuất bản.
6. Viện Văn hóa (1988), *Tìm hiểu vốn văn hóa Khmer Nam Bộ*, Nxb Tổng hợp Hậu Giang.
7. Viện Văn hóa Dân gian (1990), *Văn hóa dân gian, những phương pháp nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Tổng hợp cách phân loại của truyện dân gian Khmer Nam Bộ

| Quan niệm Tên gọi | Châu Ôn | Huỳnh Ngọc Trảng | Phạm Tiết Khánh | Danh Mến | Theo khảo sát thực tế |
|------------------------|--------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| Truyện dân gian | peak-sâm-rai | bồ-ran/ nì-tiên/ bì-đơm | bồ ran/ nì tiên/ bờ đóm | đờm-nợ k' tha prồ-chea pri | Tùm-nuôn |
| Thần thoại | bồ-ran | a-sti-tiếp | theo người Việt | tê-vék-k' tha | bồ-ran |
| Truyền Thuyết | ba-ba-kam | | theo người Việt | | |
| Cổ tích | p' rêng | pờ-rêng | theo người Việt | nì-tian k' tha | p' rêng |
| Cổ tích thần kì | | | | nì-tian k' tha ok-cha | |

| | | | | | |
|-------------------------------|-------------|-------------------------|--|-----------------------------|-----------|
| Cổ tích thể sự | | | | nì-tian k' tha soòng-cum | |
| Truyện cổ tích thú vật | sat-bak-sei | sat-bac-xây | | nì-tian k' tha să | tành say |
| Truyện về Phật | | săc-sa-na pa-pac-căm | | | săc-sa-na |
| Truyện thần tiên | | tê-vok-tha | | | |
| Truyện địa lí | | phu-mi-săc | | | |
| Truyện lịch sử | | pro-va-tê-săc | | | |
| Ngũ ngôn | | ca-rê-lôc | | lơ-bot k' tha | |
| Truyện ma quỷ | | pờ-ri-đích | | | |
| Truyện cười | | | | nì-tian k' tha sòm-nệak | |
| Truyện khôi hài | | rao-xà-bay | | | |
| Truyện trào phúng | | kòm-pleng | | | |

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 01-10-2013; ngày phản biện đánh giá: 18-12-2013;
ngày chấp nhận đăng: 20-02-2014)